

Nâng cao năng lực quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam, CN Thái Nguyên

Lã Thị Kim Anh

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên

Hoạt động tín dụng đã và đang là hoạt động kinh doanh chính đem lại lợi nhuận cho các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Tuy nhiên, cùng với việc đem lại thu nhập đáng kể cho ngân hàng thì lĩnh vực tín dụng cũng là lĩnh vực có rủi ro cao nhất. Hậu quả của rủi ro tín dụng đối với ngân hàng thường gây ra tổn thất lớn như: làm tăng thêm chi phí của ngân hàng, thu nhập lãi bị chậm hoặc mất đi cùng với sự thất thoát vốn vay, làm xấu đi tình hình tài chính và cuối cùng làm tổn hại đến uy tín và vị thế của ngân hàng. Ngân hàng bằng nhiều biện pháp tác động đến hoạt động tín dụng để hạn chế tối đa rủi ro tín dụng nhằm góp phần đạt tới mục tiêu hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả trong tăng trưởng.

1. Đánh giá thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại VIB Thái Nguyên

Thứ nhất về cơ cấu nhóm nợ

Bảng 1: Phân loại nhóm nợ trong cho vay giai đoạn 2017-2019 (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	2017		2018		2019	
	Số tiền	TT %	Số tiền	TT %	Số tiền	TT %
1. Tổng dư nợ	359,52	100	370,89	100	446,97	100
Nợ nhóm 1	314,00	87,34	327,53	88,31	407,28	91,12
Nợ nhóm 2	30,27	8,42	25,85	6,97	29,81	6,67
Nợ nhóm 3	5,93	1,65	10,57	2,85	4,87	1,09
Nợ nhóm 4	5,79	1,61	5,23	1,41	2,06	0,46
Nợ nhóm 5	3,52	0,98	1,71	0,46	2,41	0,54
2. Nợ xấu	15,24	4,25	17,51	4,72	9,34	2,09
3. Nợ từ nhóm 2 - 5	45,52	12,66	43,36	11,69	39,15	8,76

(Nguồn: Báo cáo phân tích nợ quá hạn VIB Thái Nguyên)

Có thể nhận thấy tỷ trọng tổng dư nợ và các nhóm nợ có sự thay đổi rõ rệt qua các năm. Tổng dư nợ tăng qua các năm, từ dư nợ 359,52 tỷ đồng năm 2017 đến năm 2019 tổng dư nợ đạt 446,97 tỷ đồng. Điều này phần nào phản ánh được quy mô ngày càng mở rộng của đơn vị trong những năm gần đây.

Tỷ trọng nợ đủ tiêu chuẩn của các năm đều cao, đến cuối năm 2019 chiếm 91,12%, chứng tỏ đơn vị đã có nhiều nỗ lực trong quản trị rủi ro tín dụng.

Tỷ trọng nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5 (tỷ lệ nợ quá hạn) giảm dần qua các năm. Cụ thể, năm 2017 là 12,66%, năm 2018 là 11,69% và năm 2019 là 8,76%.

Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu có nhiều biến động tăng giảm. Năm 2017, tỷ lệ nợ xấu chiếm 4,25%, đến năm 2018 là 4,72% nhưng đến năm 2019, tỷ lệ nợ xấu giảm xuống còn 2,08%. Tỷ lệ nợ xấu tăng năm 2017 -2018, cho thấy chất lượng tín dụng của VIB Thái Nguyên giảm, một phần do nền kinh tế biến động, gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp.

Tuy nhiên, nợ xấu năm 2019 giảm mạnh chứng tỏ việc quản trị rủi ro tín dụng đã có hiệu quả.

Thứ hai, tỷ lệ nợ xấu

Bảng 2: Tỷ lệ nợ xấu giai đoạn 2017-2019 (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	Chênh lệch (18/17)		Chênh lệch (19/18)	
				Số tiền	%	Số tiền	%
Tổng dư nợ	359,52	370,89	446,97	11,38	3,16	76,07	20,51
Nợ xấu	15,24	17,51	9,34	2,26	14,84	-8,16	-46,64
Tỷ lệ nợ xấu	4,25	4,72	2,09	0,47		-2,64	

(Nguồn: Báo cáo tình hình nợ xấu VIB Thái Nguyên)

Như trên, tình hình nợ xấu tăng từ năm 2017 — 2018 nhưng giảm mạnh ở năm 2019. Năm 2019, nợ xấu giảm 8,16 tỷ đồng tương đương với mức giảm 46,64%. Chi nhánh đã thực hiện nhiều biện pháp xử lý nợ xấu. Điển hình, vào đầu năm 2019 chi nhánh đã xử lý thành công một số món nợ xấu từ nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ làm giảm mạnh tỷ lệ nợ xấu trong năm.

Thứ ba, tỷ lệ trích lập dự phòng

Bảng 3: Tỷ lệ trích lập dự phòng giai đoạn 2017-2019 (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	2017	2018	2019
Trích lập dự phòng	5,11	8,75	7,60
Tổng dư nợ	359,52	370,89	446,97
Tỷ lệ trích lập dự phòng (%)	1,42	2,36	1,70

(Nguồn: Báo cáo hoạt động kinh doanh VIB Thái Nguyên)

Dựa vào bảng số liệu, tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro có sự biến động qua các năm. Năm 2017, tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro là 1,42%, năm 2018 tăng lên mức 2,36% và năm 2019 là 1,7%. Việc tăng mức trích lập dự phòng rủi ro vào năm 2017 — 2018 cho thấy việc quản lý rủi ro của đơn vị không đạt hiệu quả và còn nhiều hạn chế. Đến năm 2019, Chi nhánh đã từng bước cải thiện và đạt được hiệu quả nhất định trong quản trị rủi ro tín dụng.

2. Những kết quả, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Những kết quả đạt được

Kết quả về kinh doanh: Thu nhập của đơn vị liên tục tăng qua các năm, đặc biệt thu nhập từ hoạt động tín dụng tăng cho thấy hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng của Chi nhánh đã đạt được những dấu hiệu tích cực. Kết quả về hạn chế rủi ro: Nợ xấu, nợ quá hạn giảm. Việc tách bạch và độc lập thực hiện các chức năng quan hệ khách hàng; thẩm định và tái thẩm định; quyết định cho vay, giải ngân và quá trình kiểm tra, thu hồi vốn vay đã giúp kiểm soát chặt chẽ các khoản cho vay, giảm thiểu đáng kể rủi ro tín dụng và nâng cao chất lượng khoản vay, đồng thời theo quy trình mới này thời gian và các quá trình phê duyệt khoản cho vay cũng được rút ngắn xuống tối đa. Tập trung xây dựng các báo cáo phân tích ngành, phân tích danh mục đầu tư của hoạt động quản trị rủi ro tín dụng của VIB Thái Nguyên nhằm đưa ra các cảnh báo sớm rủi ro, phương thức nhận diện rủi ro có thể xảy ra, đồng thời đưa ra các điều kiện chuẩn bảo đảm tính thống nhất trong phê duyệt các khoản vay đối với cùng một ngành/lĩnh vực Chi nhánh, đảm bảo hạn chế tối đa rủi ro phát sinh.

2.2. Những hạn chế còn tồn tại

Thứ nhất, hiệu quả quản trị rủi ro chưa cao, chưa hạn chế tối đa rủi ro tín dụng. Bên cạnh những kết quả tích cực, Chi nhánh vẫn còn tồn đọng những khoản nợ xấu, nợ quá hạn. Thứ hai, việc quản trị rủi ro mới chỉ quan tâm đến khía cạnh từng khách hàng, từng khoản vay mà chưa có hệ thống đánh giá rủi ro theo danh mục cho vay, tổng thể các khách hàng vay của hoạt động quản trị rủi ro tín dụng của VIB Thái Nguyên. Điều đó dẫn đến rủi ro tiềm ẩn do danh mục đầu tư không cân đối. Thứ ba, hệ thống xếp loại khách hàng đã phản ánh được mức độ lành mạnh của tình hình tài chính, kinh doanh của khách hàng. Tuy nhiên hệ thống xếp hạng còn nhiều điểm chưa phù hợp, như cách phân chia doanh nghiệp theo ngành, theo quy mô, các chỉ tiêu đánh giá có yếu tố trên thực tế cho thấy hết sức quan trọng nhưng chưa được đưa vào đánh giá. Thứ tư, kết quả công tác kiểm tra trong và sau cho vay và việc kiểm soát nội bộ tuy đã có nhiều nỗ lực và đã hỗ trợ được nhiều cho công tác hạn chế rủi ro nhưng vẫn còn gặp một số mặt bất cập.

2.3. Nguyên nhân của hạn chế

Nguyên nhân từ phía ngân hàng

Hạn chế về chính sách và quy trình tín dụng. Hạn chế về hệ thống XHTD nội bộ. Trình độ và kinh nghiệm của cán bộ tín dụng. Lạm dụng tài sản thế chấp. Quá trình kiểm tra sử dụng vốn vay chưa được coi trọng và chủ động, chất lượng còn nhiều yếu kém

Nguyên nhân từ khách hàng

Nhiều doanh nghiệp đã phán đoán không chính xác xu hướng phát triển của thị trường, dẫn đến mở rộng quy mô sản xuất trong các ngành đang phát triển quá nóng mà không có sự đánh giá kỹ lưỡng. Chính những yếu tố này làm cho ngân hàng gặp khó khăn trong việc kiểm soát các khoản cho vay, dẫn đến tình trạng nợ xấu. Bên cạnh đó, khách hàng sử dụng vốn sai mục đích. Dùng vốn vay sản xuất kinh doanh để đầu tư bất động sản, đầu tư cây cảnh, kinh doanh chứng khoán trong giai đoạn 2017 — 2018 khi thị trường đang biến động mạnh dẫn đến thua lỗ dây chuyền. Năng lực quản lý của khách hàng yếu kém, không đủ năng lực để triển khai dự án, không quản lý chi phí tốt.

Nguyên nhân từ môi trường kinh tế xã hội

Nền kinh tế đang gặp khó khăn. Lạm phát, lãi suất tăng cao, kinh tế rơi vào tình trạng khủng hoảng, môi trường kinh tế vĩ mô khó khăn làm giảm khả năng trả nợ của người vay khiến chất lượng tài sản của hệ thống ngân hàng suy giảm. Những chính sách mà chính phủ thực hiện nhằm kiềm chế lạm phát: thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, hạn chế đầu tư công, hạn chế tăng trưởng tín dụng... làm cho hoạt động kinh doanh khó khăn, tạo nên sự bất ổn trong hoạt động nền kinh tế.

3. Các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản trị rủi ro tín dụng tại VIB chi nhánh Thái Nguyên

Thứ nhất: Hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng

Cần có sự phân tích và đánh giá kịp thời những dấu hiệu của rủi ro để phát hiện rủi ro và tạo khả năng xử lý chủ động, kịp thời các rủi ro có nguy cơ xảy ra. Sau đây là một số hiệu liên quan đến khách hàng mà khi kiểm tra trong và sau khi cho vay, cán bộ tín dụng cần hết sức chú ý phân tích để có thể sớm phát hiện các rủi ro kịp thời có biện pháp ứng phó.

Thứ hai: Thực hiện tốt chính sách, quy chế, quy trình nghiệp vụ trong hoạt động tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng bắt đầu từ những phân tích và thẩm định tín dụng không cẩn trọng và thiếu chính xác dẫn đến những quyết định cho vay sai lầm. Đây là bước cực kỳ quan trọng và đảm bảo hạn chế rủi ro tín dụng với hiệu quả cao nhất, ít tổn thất nhất.

Quá trình thẩm định cần đáp ứng yêu cầu về chất lượng phân tích và thời gian ra quyết định để vừa có thể thực hiện được yêu cầu ngăn ngừa, hạn chế rủi ro tín dụng vừa đáp ứng kịp nhu cầu của khách hàng.

Thứ ba: Tăng cường kiểm soát trong, sau khi cho vay và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra nội bộ

Những rủi ro tín dụng xuất hiện khi cho vay không

chỉ do bản thân phương án kinh doanh kém hiệu quả, mà còn do ngân hàng thiếu kiểm tra, kiểm soát khách hàng sử dụng vốn không đúng mục đích, hoặc khi kết thúc chu kỳ kinh doanh sử dụng vốn vào mục đích khác...Để phòng ngừa những rủi ro này cần thực hiện kiểm soát chặt chẽ trong và sau khi cho vay.

Thứ tư: Các giải pháp hạn chế, bù đắp tổn thất khi rủi ro xảy ra

Ngân hàng cho vay cử đại diện tham gia quản lý doanh nghiệp, tham gia quản lý điều hành hoạt động kinh doanh nhằm theo dõi sát sao từng biến hiện bất thường đối với những khoản vay cần theo dõi, tư vấn giúp đỡ khách hàng khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đưa ra quy định xử lý kịp thời với những diễn biến đang xảy ra, hạn chế tối đa tổn thất.

Thứ năm: Các giải pháp về nhân sự

Con người là yếu tố trung tâm, vừa là nền tảng để phát hiện, đánh giá và hạn chế kịp thời những rủi ro tín dụng nhưng đồng thời cũng là nguyên nhân gây ra tổn thất tín dụng từ những rủi ro xuất phát từ yếu tố đạo đức, năng lực thấp kém. Một mô hình quản lý rủi ro tín dụng có hoàn hảo, một quy trình cấp tín dụng có chặt chẽ đến mấy nhưng con người cụ thể để vận hành mô hình đó bị hạn chế về năng lực hoặc không đáp ứng được các yêu cầu về đạo đức thì sự thiệt hại, tổ chức tín dụng vẫn xảy ra, thậm chí rất nặng nề. Do đó giải pháp về nhân sự giữ một vai trò cốt yếu trong xây dựng các biện pháp phòng ngừa rủi ro tín dụng. Thực hiện luân chuyển cán bộ trong quản lý khách hàng để giám trừ những tiêu cực do những mối quan hệ được tạo lập quá dài, đồng thời giúp tạo điều kiện cán bộ tiếp cận những khách hàng khác nhau sẽ có khả năng để xử lý công việc được nhanh chóng, hạn chế sự ỷ và tạo cho cán bộ tín dụng sự ham thích trong công việc.

Thứ sáu: Xây dựng điều chỉnh danh mục cho vay trong từng thời kỳ

Trên cơ sở chính sách tín dụng của VIB, Chi nhánh cần xây dựng cho riêng mình danh mục đầu tư phù hợp với tình hình kinh tế đặc thù tại địa bàn, phát huy được lợi thế của mình. Danh mục cho vay phải phản ánh được đặc điểm của thị trường tại địa bàn đồng thời phải thể hiện thị trường mục tiêu của ngân hàng đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Danh mục cho vay phải đảm bảo nguyên tắc chung là tập trung những lĩnh vực, những loại hình cho vay mà VIB có những lợi thế so sánh./.

Tài liệu tham khảo

Phan Thị Thu Hà (2013), Giáo trình Ngân hàng thương mại, Nhà xuất bản giao thông vận tải, Hà Nội.

Nguyễn Văn Tiến (2009), Giáo trình Ngân hàng thương mại, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Thái Nguyên (2017 — 2019), Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Thái Nguyên.

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Thái Nguyên (2017 — 2019), Báo cáo thực hiện kế hoạch huy động vốn VIB chi nhánh Thái Nguyên 2017 — 2019, Thái Nguyên.

Quốc hội (2010), Luật Các tổ chức tín dụng, số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010, Hà Nội.